



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

TRẦN HỮU BẢO TOÀN

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH QUẢNG BÌNH

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Mã số: 60.31.01.05

Đà Nẵng - 2017

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn KH: TS. LÊ BẢO

Phản biện 1: PGS.TS. ĐÀO HỮU HÒA

Phản biện 2: TS. LÂM MINH CHÂU

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Phát triển họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 19 tháng 8 năm 2017

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước do Đảng và Nhà nước ta khởi xướng đã và đang đạt được những thành tựu đáng khích lệ, nổi bật là trên lĩnh vực phát triển công nghiệp. Cùng với những ngành công nghiệp truyền thống thì nhiều ngành công nghiệp mới xuất hiện với công nghệ hiện đại tạo ra nhiều sản phẩm mới với sản lượng lớn, có chất lượng tốt, nhiều sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài, tạo nguồn thu ngoại tệ. Hiện nay cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ đang dần chuyển sang công nghiệp - dịch vụ. Nhờ đó góp phần tạo thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện tích cực đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Cùng với sự phát triển chung đó, kinh tế-xã hội của tỉnh Quảng Bình cũng có bước chuyển mình đáng kể, nhất là trên lĩnh vực phát triển công nghiệp. Giá trị sản xuất tăng lên qua từng năm. Tuy nhiên quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung, cũng như phát triển công nghiệp nói riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã bộc lộ những hạn chế, yếu kém nhất định: tiềm năng chưa được khai thác một cách hợp lý, phát triển chưa đồng đều giữa các vùng, trình độ tay nghề của người lao động còn thấp, công nghệ còn lạc hậu,...

Để nghiên cứu, đánh giá một cách đầy đủ thực trạng của việc phát triển ngành công nghiệp và đưa ra các giải pháp thiết thực, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình, góp phần thúc đẩy ngành nghề phát triển đúng hướng và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của kinh tế thị trường, phấn đấu đạt được mục tiêu công nghiệp trở thành ngành kinh tế trọng điểm. Vì vậy, "*Phát triển công nghiệp trên địa tỉnh Quảng Bình*" được lựa chọn làm luận văn

để làm rõ những vấn đề đó.

2. Mục đích nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu tổng quát

Đánh giá tình hình thực tế phát triển công nghiệp cũng như đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2.2. Mục tiêu nghiên cứu cụ thể

- Hệ thống hóa các cơ sở lý luận về phát triển công nghiệp
- Đánh giá thực trạng phát triển ngành công nghiệp ở tỉnh Quảng Bình.
- Phát hiện những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong quá trình phát triển công nghiệp trên địa bàn nghiên cứu.
- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển ngành công nghiệp tỉnh Quảng Bình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến phát triển công nghiệp và thực tiễn phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: nghiên cứu tình hình phát triển công nghiệp ở tỉnh Quảng Bình.
- Về thời gian: đánh giá tình hình phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 – 2015. Các giải pháp có ý nghĩa trong những năm tới

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Ở chương 1, luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu, tổng hợp để làm rõ các vấn đề lý thuyết liên quan đến công nghiệp

và phát triển công nghiệp. Luận văn còn sử dụng phương pháp thống kê để xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá sự phát triển công nghiệp.

Trong chương 2 phần đánh giá thực trạng, luận văn sử dụng phương pháp phân tích chỉ số, phương pháp so sánh để thu thập, phân tích các dữ liệu sơ cấp (số liệu thống kê trong niên giám), thứ cấp (các báo cáo về tình hình phát triển công nghiệp) nhằm đánh giá thực trạng phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống để nghiên cứu sự tác động của các nhân tố nhân tố đầu vào, đầu ra và nhân tố nội tại đối với sự phát triển của công nghiệp trên địa bàn dưới góc nhìn toàn thể. Phần cuối chương 2, luận văn đã sử dụng phương pháp suy luận để rút ra những kết luận liên quan đến thành công, hạn chế và nguyên nhân kìm hãm phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Trong chương 3, luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu dữ liệu và phương pháp dự báo để xác lập các tiền đề cho việc đề xuất các giải pháp. Sử dụng phương pháp suy luận để đề ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tốt hơn.

4.2. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

+ Phương pháp thu thập số liệu: Luận văn thu thập các số liệu thứ cấp từ niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình, các quy hoạch, báo cáo có liên quan đến lĩnh vực phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh; các nghị định, thông tư, văn bản của Chính phủ, Bộ Công

Thương, Sở Công Thương tỉnh Quảng Bình về lĩnh vực phát triển công nghiệp; các thông tin có liên quan trên báo, tạp chí, internet. Luận văn có kế thừa và phát triển kết quả của các công trình nghiên cứu trước đây.

+ Phương pháp xử lý số liệu: Sử dụng phần mềm Excel

5. Bộ cục đề tài

Chương 1: Những vấn đề lý luận về phát triển công nghiệp.

Chương 2: Thực trạng phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Chương 3: Các giải pháp nhằm phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Công nghiệp là ngành kinh tế cơ bản của nền kinh tế, trên thế giới cũng như Việt Nam đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về phát triển công nghiệp trong nền kinh tế. Tuy nhiên, việc nghiên cứu phát triển công nghiệp trên địa bàn 01 tỉnh trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đến nay vẫn còn nhiều hạn chế. Để nghiên cứu vấn đề này, luận văn đã tham khảo một số tài liệu và công trình nghiên cứu trong phạm vi đề tài.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

1.1.1. Một số khái niệm

a. Khái niệm công nghiệp

Công nghiệp là ngành kinh tế thuộc lĩnh vực sản xuất vật chất- một bộ phận cấu thành nền sản xuất vật chất của xã hội.

Công nghiệp gồm 3 hoạt động chủ yếu:

+ Khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên tạo ra nguồn nguyên liệu nguyên thủy.

+ Chế biến sản phẩm của công nghiệp khai thác, của nông-lâm-ngư nghiệp thành nhiều loại sản phẩm nhằm thỏa mãn các nhu cầu khác nhau của xã hội.

+ Hoạt động dịch vụ sửa chữa các sản phẩm công nghiệp nhằm khôi phục giá trị sử dụng của sản phẩm được tiêu dùng trong quá trình sản xuất và sinh hoạt.

b. Khái niệm phát triển công nghiệp

Phát triển công nghiệp là quá trình nâng cao tỷ trọng của ngành công nghiệp trong toàn bộ các ngành kinh tế của một địa phương, vùng hay một quốc gia.

Để phát triển công nghiệp, có 02 con đường đó là phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu.

1.1.2. Đặc điểm của sản xuất công nghiệp

- Quá trình sản xuất công nghiệp có thể chia làm nhiều công đoạn khác nhau, mỗi công đoạn có thể do một bộ phận trong hệ thống dây chuyền sản xuất hoặc do một bộ phận độc lập thực hiện.

- Đặc điểm về công nghệ sản xuất: công nghệ sản xuất trong công nghiệp do con người tạo ra.

- Đặc điểm về sự biến đổi của các đối tượng lao động sau mỗi chu kỳ sản xuất và sản phẩm tạo ra.

- Sản xuất công nghiệp có khả năng tập trung với mật độ cao, có thể bố trí trong các nhà xưởng với điều kiện nhiệt độ, ánh sáng... nhân tạo. So với sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp ít bị ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên (trừ ngành công nghiệp khai thác).

1.1.3. Vị trí và vai trò của công nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế

a. Vị trí của công nghiệp trong nền kinh tế

- Công nghiệp là bộ phận cấu thành cơ cấu công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ

- Công nghiệp là ngành không chỉ khai thác tài nguyên mà còn tiếp tục chế biến các loại nguyên liệu nguyên thủy để sản xuất ra sản phẩm cuối cùng.

- Sự phát triển của ngành công nghiệp là một yếu tố có tính quyết định để thực hiện quá trình CNH – HĐH toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

b. Vai trò của công nghiệp với phát triển kinh tế

- Công nghiệp tăng trưởng nhanh và làm gia tăng thu nhập quốc gia

- Công nghiệp là ngành cung cấp tư liệu sản xuất cho toàn bộ nền kinh tế

- Công nghiệp thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp

- Công nghiệp cung cấp hàng tiêu dùng cho đời sống nhân dân

- Công nghiệp thu hút lao động nông nghiệp, góp phần giải quyết việc làm xã hội

- Công nghiệp tạo ra hình mẫu ngày càng hoàn thiện về tổ chức sản xuất.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

1.2.1. Gia tăng số lượng cơ sở sản xuất

Gia tăng số lượng cơ sở sản xuất và sản lượng công nghiệp trong đó phải chú trọng đến việc phát triển các doanh nghiệp công nghiệp. Có càng nhiều doanh nghiệp lớn mạnh thì ngành công nghiệp càng phát triển.

1.2.2. Mở rộng quy mô các yếu tố sản xuất

+ *Vốn sản xuất và vốn đầu tư*

Vốn là nhân tố đầu vào quan trọng của doanh nghiệp. Vốn giúp doanh nghiệp có thể thực hiện mua sắm trang thiết bị máy móc cho sản xuất để mua nguyên vật liệu duy trì quá trình sản xuất,...

+ *Lao động:*

Nguồn nhân lực là nhân tố quan trọng hàng đầu cho sự hình thành và phát triển các doanh nghiệp, nó quyết định quá trình sử dụng, khai thác, tái tạo, phát triển các nguồn lực khác.

+ *Tiến bộ khoa học- công nghệ*

Những tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. Nó không chỉ tạo ra những khả năng sản xuất mới, đẩy nhanh tốc độ phát triển một số ngành, làm cho việc khai thác, sử dụng tài nguyên và phân bố các ngành công nghiệp hợp lý, có hiệu quả, thay đổi quy luật phân bố sản xuất, mà còn làm nảy sinh những nhu cầu mới, xuất hiện một số ngành công nghiệp mới với công nghệ tiên tiến và mở ra triển vọng phát triển công nghiệp trong tương lai.

1.2.3. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp hợp lý

Cơ cấu công nghiệp luôn là cơ cấu động được điều chỉnh thích ứng với sự thay đổi môi trường và yêu cầu phát triển.

Chuyển dịch công nghiệp là sự thay đổi cơ cấu từ trạng thái này sang trạng thái khác, là một quá trình chịu sự tác động của nhiều yếu tố. Có các loại cơ cấu công nghiệp như: cơ cấu ngành công nghiệp, cơ cấu theo thành phần kinh tế.

Cơ cấu công nghiệp hợp lý là cơ cấu phản ánh được xu thế phát triển chung. Đó là cơ cấu đa dạng nhưng thống nhất và có khả năng hỗ trợ tốt nhất chi nhau, cho phép tạo ra các giá trị gia tăng lớn nhất

1.2.4. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp

Để tồn tại và phát triển ngành công nghiệp thì mỗi doanh nghiệp phải làm tốt công tác thị trường mà trong đó thị trường hàng hoá đóng vai trò quan trọng. Cùng với sự biến đổi một cách nhanh chóng, phức tạp và không ổn định của môi trường kinh doanh, các doanh nghiệp công nghiệp muốn tồn tại thì tất yếu phải sản xuất và cung ứng ra thị trường các sản phẩm công nghiệp có giá trị đối với một nhóm tiêu dùng nào đó.

1.2.5. Gia tăng kết quả sản xuất công nghiệp

Sản lượng công nghiệp là kết quả của quá trình sản xuất trong các cơ sở công nghiệp. Nếu tiếp cận theo hướng hàm sản xuất thì mức gia tăng sản lượng công nghiệp phụ thuộc vào số lượng các yếu tố nguồn lực như vốn, lao động và trình độ công nghệ, v.v...

1.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý bao gồm vị trí tự nhiên, vị trí kinh tế, giao thông, chính trị. Sự hình thành và phát triển của các xí nghiệp, các ngành công nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào vị trí địa lý. Vị trí địa lý thuận lợi hay không thuận lợi tác động mạnh tới việc tổ chức lãnh thổ công nghiệp, bố trí không gian các khu vực tập trung công nghiệp. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên được coi là tiền đề vật chất

không thể thiếu được để phát triển và phân bố công nghiệp. Nó ảnh hưởng rõ rệt đến việc hình thành và xác định cơ cấu ngành công nghiệp

1.3.2. Yếu tố về kinh tế - xã hội

- Môi trường pháp lý bao gồm: luật, các văn bản dưới luật,...
- Môi trường kinh tế là nhân tố bên ngoài tác động rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp.
- Các yếu tố thuộc cơ sở hạ tầng như: hệ thống đường giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, điện, nước,... cũng như sự phát triển của giáo dục và đào tạo,...
- Phong tục tập quán, lối sống, thị hiếu, thói quen tiêu dùng, tín ngưỡng, tôn giáo, dân số, nhân lực,... tất cả các yếu tố quyết định đến lượng cầu và cung sản phẩm.

1.3.3. Đường lối phát triển công nghiệp

- Đường lối phát triển công nghiệp ở mỗi quốc gia qua các thời kỳ lịch sử có ảnh hưởng to lớn và lâu dài tới sự phát triển và phân bố công nghiệp, tới định hướng đầu tư và xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp.
- Nhà nước hoạch định các chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp nhằm thực hiện hệ thống các mục tiêu kinh tế xã hội nhất định.

- Chiến lược phát triển công nghiệp phải mang tầm nhìn dài hạn, tạo được sự nhất quán về đường hướng phát triển và các giải pháp để phát triển; đồng thời chiến lược phát triển công nghiệp phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH BÌNH DƯƠNG

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHỦ YẾU CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Tỉnh Quảng Bình nằm ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam, với diện tích tự nhiên 8.000 km², dân số năm 2015 có 872.925 người.

b. Khí hậu, thủy văn

Quảng Bình nằm trong đới khí hậu chí tuyến gió mùa, á đới nóng ẩm, có sự phân hoá sâu sắc của địa hình và chịu ảnh hưởng khí hậu chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam nước ta

c. Tài nguyên, khoáng sản

Tài nguyên Đất:

Quảng Bình có 2 hệ đất chính là hệ phù sa (ở đồng bằng) và hệ feralit (ở vùng đồi núi)

Tài nguyên Biển

Quảng Bình có bờ biển dài 116 km từ Đèo Ngang đến Hạ Cờ với vùng đặc quyền lãnh hải khoảng 20.000 km².

Tài nguyên Rừng

Do vị trí của Quảng Bình là vùng giao thoa giữa hai miền Bắc - Nam nên đây cũng là nơi giao thoa của hai luồng thực vật từ phía Bắc xuống và từ phía Nam lên nên hệ thực vật rất phong phú, đa dạng.

Tài nguyên khoáng sản

Trải qua quá trình địa chất lâu dài, lại nằm trong khối nâng trẻ

Trường Sơn nên tài nguyên khoáng sản của Quảng Bình tương đối phong phú.

2.1.2. Tình hình kinh tế và xã hội tỉnh Quảng Bình

a. Đặc điểm về dân số và nguồn nhân lực

Dân số Quảng Bình năm 2015 có 872.925 người. Phần lớn cư dân địa phương là người Kinh. Dân tộc ít người thuộc hai nhóm chính là Chứt và Bru-Vân Kiều gồm những tộc người chính là: Khùa, Mã Liềng, Rục, Sách, Vân Kiều, Mày, Arem, v.v...

Nguồn nhân lực: Tổng số lao động trong các ngành kinh tế quốc dân năm 2015 là 474.800 lao động; trong đó số lao động qua đào tạo khoảng 284.880 người đạt tỷ lệ lao động qua đào tạo là 60%; nhu cầu lao động qua đào tạo tăng thêm giai đoạn này khoảng 53.200 người, bình quân mỗi năm đào tạo thêm 10.064 người.

b. Về tình hình phát triển kinh tế

Trong năm 2015, Kinh tế của tỉnh tiếp tục đà phục hồi và tăng trưởng khá, sản xuất nông nghiệp được mùa, năng suất lúa, sản lượng lương thực tăng 6,1% so với kế hoạch; sản xuất công nghiệp tuy vẫn gặp nhiều khó khăn, nhưng tăng trưởng cao hơn cùng kỳ và đạt kế hoạch đề ra; Chương trình nông thôn mới được quan tâm và tập trung chỉ đạo quyết liệt; du lịch Quảng Bình đã có bước phát triển vượt bậc, lượt khách du lịch đến Quảng Bình đạt 2,862 triệu lượt, tăng 3,9% SCK; thu ngân sách tăng cao; kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được chú trọng đầu tư; đã tổ chức thành công chuỗi các sự kiện: Hội nghị Xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch tỉnh Quảng Bình năm 2015 thu hút đông đảo các nhà đầu tư, du khách trong nước và quốc tế đến với Quảng Bình; Lễ đón nhận Bằng Di sản Thiên nhiên Thế giới lần thứ 2 do UNESCO trao cho Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; Lễ hội Hang động năm 2015; lĩnh vực văn hóa, xã hội có

những chuyển biến tiến bộ, đã tổ chức nhiều hoạt động thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp và đặc biệt là chào mừng thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI. Công tác an sinh xã hội được quan tâm, đời sống nhân dân ổn định và có bước cải thiện; quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

c. Hệ thống kết cấu hạ tầng

Trong giai đoạn 2010 - 2015, tỉnh Quảng Bình đã đầu tư xây dựng hoàn thành các dự án quan trọng, xây dựng hoàn thành bến xe ở các huyện, thị xã, thành phố, góp phần bảo đảm trật tự an toàn giao thông, mỹ quan, môi trường đô thị. Nhiều công trình, hạng mục quan trọng khác cũng được đầu tư, xây dựng như nâng cấp các cầu, cống có hoạt tải dưới 30 tấn để bảo đảm khai thác đồng bộ mạng lưới giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, hoàn thành thủ tục chuẩn bị thực hiện. Đối với hệ thống đường thủy, đã thực hiện thành công đường nối Hòn Cỏ - Hòn La, nâng công suất cảng, bảo đảm tàu có trọng tải 30.000 - 50.000 tấn ra vào và trở thành cảng tổng hợp trong quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam.

2.1.3. Các chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh Quảng Bình

2.1.4. Những thuận lợi, khó khăn trong phát triển công nghiệp

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

2.2.1. Số lượng các cơ sở sản xuất

Hàng năm số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đều tăng qua từng năm nhưng các doanh nghiệp hoạt động trong ngành

công nghiệp thì tăng giảm thất thường về số lượng và đa phần là các cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh.

2.2.2. Quy mô các yếu tố sản xuất

a. Vốn

- Vốn đầu tư cho ngành công nghiệp tỉnh Quảng Bình rất cao, cao nhất trong tất cả các ngành, chiếm trên 48% trong cả giai đoạn 2011 - 2015

b. Lượng lao động trong công nghiệp

- Số lao động trong ngành công nghiệp tăng nhẹ và đều qua các năm.

- Tỷ lệ tăng lên về số lượng người lao động còn khá thấp.

- Tỷ trọng về số lượng người lao động trong ngành công nghiệp là thấp nhất so với các ngành

c. Đổi mới khoa học công nghệ trong sản xuất

2.2.3. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp

a. Cơ cấu ngành

Công nghiệp tỉnh Quảng Bình có các ngành sản xuất khá đa dạng, dựa trên ưu thế tự nhiên, gắn với quá trình sản xuất lâu đời của các làng nghề truyền thống.

b. Cơ cấu theo thành phần kinh tế

Dựa trên mức độ đóng góp vào giá trị sản xuất ngành công nghiệp của các thành phần kinh tế ta thấy:

- Mức độ đóng góp vào GTSX ngành công nghiệp của thành phần kinh tế ngoài quốc doanh chiếm phần lớn.

- Mức độ đóng góp vào GTSX ngành công nghiệp của thành phần kinh tế nhà nước giảm dần

- Mức độ đóng góp vào GTSX ngành công nghiệp của thành phần kinh tế khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là không đáng kể.

2.2.4. Thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp

Nhận thức được tầm quan trọng của việc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, tỉnh Quảng Bình cũng đã và đang quan tâm đến việc thay đổi mẫu mã, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp đối với thị trường trong và ngoài nước.

2.2.5. Kết quả sản xuất công nghiệp

a. Giá trị sản xuất

Giai đoạn 2011 - 2015, công nghiệp tỉnh Quảng Bình đã đóng góp một phần không nhỏ trong việc tạo ra thu nhập cho nền kinh tế cũng như góp phần nâng cao và ổn định cuộc sống cho nhân dân.

b. Giá trị gia tăng

Giá trị gia tăng của ngành công nghiệp đều tăng nhẹ qua các năm trong giai đoạn nhưng chưa quyết định sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình.

c. Tỷ lệ giá trị gia tăng/giá trị sản xuất ngành công nghiệp

d. Các sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

2.3.1. Thành công

Quảng Bình đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến. Tỉnh đã tập trung đầu tư, hình thành các khu công nghiệp, thu hút nhiều nhà máy, xí nghiệp có công nghệ mới, thiết bị hiện đại, với các sản phẩm có thương hiệu trên thị trường...

2.3.2. Hạn chế

Chương trình Phát triển công nghiệp của tỉnh 5 năm qua không đạt mục tiêu, đó là chưa thu hút được các dự án công nghiệp

lớn. Một số doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn và thị trường tiêu thụ.

2.3.3. Nguyên nhân những hạn chế

- Việc triển khai chương trình chưa quyết liệt, hiệu quả chưa cao, công tác dự báo, quy hoạch, kế hoạch còn nhiều thiếu sót.

- Sự chỉ đạo điều hành, kiểm tra, đôn đốc của các cấp, các ngành chưa quyết liệt, thiếu kịp thời trong việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhất là các thủ tục hành chính về đầu tư, đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Chưa đẩy mạnh xúc tiến đầu tư; xây dựng, hình thành các thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Mẫu mã sản phẩm còn chưa đa dạng, chưa chủ động trong thiết kế, sản phẩm tự thiết kế chủ yếu tiêu dùng ở thị trường nội địa. Sản phẩm xuất khẩu mang thương hiệu của các nhà sản xuất lớn nên bị thua thiệt trong quá trình đàm phán để tăng giá trị của sản phẩm.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1.1. Quan điểm phát triển công nghiệp

Phát triển công nghiệp để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Tập trung phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, trở thành ngành trọng điểm, tạo động lực phát triển của nền kinh tế.

3.1.2. Mục tiêu phát triển công nghiệp

Phát triển công nghiệp với tốc độ cao, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 19 - 20%. Phần đầu đến năm 2020 công nghiệp trở thành ngành kinh tế trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng CNH - HĐH, đưa Quảng Bình phát triển nhanh và bền vững, cơ bản trở thành tỉnh phát triển vào năm 2020.

- Phần đầu đạt giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành đến năm 2020 là 25.000 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 là 19 - 20%. Tỷ trọng giá trị công nghiệp - xây dựng trong GDP của tỉnh đến năm 2020 đạt khoảng 45%;

- Phần đầu hoàn thành xây dựng đưa vào hoạt động dự án Trung tâm Nhiệt điện Quảng Trạch; đưa từ 4 đến 5 dự án sản xuất công nghiệp hiện đại có quy mô lớn, mức đóng góp ngân sách cao vào sản xuất ...Đồng thời, xúc tiến triển khai xây dựng từ 3 đến 4 dự án lớn để tạo tiền đề cho sự phát triển giai đoạn tiếp theo.

- Năm 2015 đã có 95% các cơ sở sản xuất công nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu dịch vụ du lịch có hệ

thống thu gom, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường và phân đấu tỷ lệ này đạt 100% vào năm 2020.

3.1.3. Phương hướng phát triển công nghiệp

a. Ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản

Đẩy nhanh công tác điều tra khảo sát, thăm dò và phân tích khoáng sản để xác định quy mô, hàm lượng, chất lượng cụ thể của từng loại, làm cơ sở cho việc quản lý và khai thác, chế biến; tập trung kêu gọi đầu tư các dự án khai thác và chế biến khoáng sản có tiềm năng của tỉnh. Ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ tiên tiến, ít gây ô nhiễm môi trường.

b. Công nghiệp cơ bản

Ngành cơ khí, điện tử

- Đổi mới công nghệ thiết bị, nâng cấp các cơ sở hiện có, đầu tư mới một số cơ sở chủ lực có trang thiết bị hiện đại để nâng cao năng lực, đủ khả năng sản xuất các thiết bị phục vụ canh tác, chế biến các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp trong tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ của ngành cơ khí, khuyến khích phát triển các cơ sở cơ khí nhỏ phục vụ nhu cầu nông lâm, ngư nghiệp.

Ngành luyện kim

Trên cơ sở Quy hoạch phát triển ngành luyện kim Việt Nam, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2020. Xây dựng các nhà máy luyện kim có công nghệ tiên tiến, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên và đảm bảo môi trường. Các nhà máy sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cao, chủng loại đa dạng, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Ngành hóa chất

Khai thác tốt công suất của các cơ sở hiện có, chú trọng đầu tư

chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Ưu tiên phát triển các loại hóa chất phục vụ nông nghiệp, đa dạng hóa các loại phân bón như: Vi sinh, NPK; thuốc bảo vệ thực vật ít độc hại đối với môi trường và con người; đẩy mạnh sản xuất các loại thuốc chữa bệnh, sản phẩm hóa chất ứng dụng ...

c. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phục vụ nhu cầu nhân dân, khách du lịch và xuất khẩu.

Khôi phục mở rộng, duy trì và phát triển các ngành chế biến truyền thống tại địa phương.

Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản trên cơ sở kết hợp tốt với vấn đề xử lý nguồn chất thải ra môi trường để đảm bảo phát triển ngành được bền vững.

d. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện công nghệ, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các nhà máy, cơ sở sản xuất hiện có. Cải tạo, chuyển đổi công nghệ sản xuất xi măng lò đứng sang công nghệ sản xuất xi măng lò quay, đảm bảo công nghệ phù hợp và hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp, trang trí chất lượng cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Chú trọng nghiên cứu phát triển các sản phẩm vật liệu mới sử dụng các nguồn nguyên liệu sẵn có của tỉnh như: Đá vôi, cát trắng, cao lanh...

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia sản xuất vật liệu xây dựng nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn và nhân lực. Phát triển sản xuất phải gắn với việc bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, các khu di tích văn hóa, lịch sử và đảm bảo an ninh quốc phòng.

e. Công nghiệp điện, nước

Công nghiệp điện

Đến năm 2015, điện thương phẩm đạt 1.238 triệu kwh, bình quân đầu người 1.338 kwh/năm, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2011 -2015 là 23,8 %/năm; đến năm 2020, điện thương phẩm đạt 2.511 triệu kwh, bình quân đầu người 2.575 kwh/năm, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 là 15,2 %/năm (theo Quyết định số 2319/QĐ-BCT ngày 01 tháng 5 năm 2011 của Bộ Công Thương về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011 - 2015, có xét đến năm 2020).

Công nghiệp nước

Phát huy có hiệu quả các dự án cấp nước sinh hoạt tại thành phố Đồng Hới và các thị trấn trung tâm huyện. Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án cấp nước sinh hoạt cho các xã trên địa bàn.

f. Công nghiệp dệt may, da giày

Công nghiệp dệt may: Tập trung phát triển ngành may mặc phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và gia công xuất khẩu. Đối với công nghiệp dệt đầu tư phát triển khi có điều kiện. Khuyến khích phát triển các cơ sở may mặc tư nhân quy mô nhỏ và vừa trong địa bàn nông thôn phù hợp với khả năng nguồn vốn, đồng thời giải quyết lao động tại chỗ cho dân cư.

Công nghiệp da giày: Phát triển các cơ sở đóng giày tư nhân hiện có và tăng dần quy mô sản xuất. Tổ chức tốt việc thu gom và bảo quản da trâu bò, cung cấp cho các cơ sở thuộc da các tỉnh lân cận. Xúc tiến tìm đối tác đầu tư xây dựng ít nhất 01 nhà máy giày da xuất khẩu tại KCN Tây Bắc Đồng Hới. Tích cực tìm kiếm sự liên kết

với các công ty lớn để trở thành thành viên vệ tinh nhằm thu hút sự giúp đỡ về kỹ thuật, mẫu mã và về tiêu thụ sản phẩm.

g. Phương hướng phát triển các khu, cụm công nghiệp

- Quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm tạo những điểm tựa và đòn bẩy thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Dành quỹ đất, đầu tư cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu mở rộng mặt bằng các cơ sở sản xuất công nghiệp và dịch vụ, thu hút các nguồn lực đầu tư, khoa học công nghệ và phát triển sản xuất, gắn sản xuất với thị trường, vùng nguyên liệu và lao động tại chỗ.

- Đến năm 2020, toàn tỉnh có: 8 KCN với diện tích khoảng 2.061 ha; 62 cụm công nghiệp, diện tích 904 ha được phân bố trên các địa bàn huyện, thành phố.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

3.2.1. Hoàn thiện quy hoạch phát triển công nghiệp

Trên cơ sở Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 đã được phê duyệt, thường xuyên tiến hành rà soát bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khai thác, thăm dò chế biến khoáng sản để làm cơ sở kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

3.2.2. Giải pháp về vốn

Huy động nguồn vốn của mọi thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển công nghiệp. Đặc biệt, coi trọng thu hút nguồn vốn đầu tư của các tập đoàn, tổng công ty lớn trong và ngoài nước. Tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương để tăng nguồn vốn

hỗ trợ có mục tiêu, nguồn vốn ODA, NGO đầu tư các công trình trọng điểm.

3.2.3. Giải pháp về đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Huy động mọi thành phần kinh tế để phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp đến năm 2020 theo các nội dung sau:

Tổ chức xây dựng và thực hiện đề án phát triển nguồn nhân lực công nghiệp tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn tiếp theo đồng bộ, có hiệu quả.

Đa dạng hóa các hình thức đào tạo...

Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất kinh doanh tổ chức đào tạo nghề trực tiếp tại cơ sở theo nhu cầu nhất là những dự án trọng điểm, dự án thu hút nhiều lao động, những địa phương có đất nông nghiệp bị thu hồi phục vụ phát triển kinh tế;

Ưu tiên và có chính sách thu hút đối với những người tài, người có trình độ chuyên môn cao về làm việc tại tỉnh; có kế hoạch đào tạo, hỗ trợ cán bộ trẻ, có năng lực được đi đào tạo ở các nước phát triển....

3.2.4. Giải pháp về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn và chuyển giao khoa học kỹ thuật và công nghệ, từng bước đổi mới công nghệ phù hợp với năng lực và yêu cầu mở rộng sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường; thực hiện sự liên kết giữa nghiên cứu, triển khai và ứng dụng công nghệ mới, từng bước xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm công nghiệp.

3.2.5. Giải pháp về phát triển hạ tầng kinh tế:

Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế theo hướng đồng bộ, hiện đại làm nền tảng vững chắc cho sự phát triển công nghiệp.

3.2.6. Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Tăng cường hợp tác, mở rộng thị trường trong nước và hướng tới thị trường ngoài nước. Hỗ trợ cho các hoạt động xuất khẩu và xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp công nghiệp. Dành mức ưu đãi cao cho các sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt là các sản phẩm chất lượng cao mang thương hiệu và sản xuất tại Quảng Bình;

Xây dựng thương hiệu sản phẩm tiêu biểu, doanh nghiệp tiêu biểu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các doanh nghiệp trong tỉnh, cùng với việc tăng cường công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu và gian lận thương mại;

3.2.7. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư phát triển công nghiệp; nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, kiểm soát về môi trường các dự án nhất là các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Ưu tiên phát triển các dự án sản xuất công nghiệp sạch và tiêu thụ ít năng lượng nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3.2.8. Giải pháp về cơ chế chính sách

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính theo hướng chuyên nghiệp hóa, cải thiện môi trường đầu tư, từng bước nâng dần chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc giải quyết những vấn đề liên quan đến các dự án phát triển công nghiệp;

Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp trong từng giai đoạn phù hợp với điều kiện phát triển trong

từng thời kỳ và tạo dựng môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh, thuận lợi, cạnh tranh bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế;

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập các hiệp hội ngành nghề trong phát triển công nghiệp.

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Trung ương

- Đề nghị Chính phủ tăng cường bố trí vốn hàng năm để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho địa phương; đồng thời, cân đối phân bổ các nguồn vốn ODA và phân công một số tập đoàn, tổng công ty tham gia đầu tư trên địa bàn.

- Đề nghị Bộ Công Thương xem xét và hỗ trợ nguồn vốn thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 và phân bổ nguồn vốn hỗ trợ cho tỉnh triển khai các hạng mục công trình theo quy hoạch.

3.3.2. Đối với UBND tỉnh

- Sớm hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức công bố triển khai quy hoạch.

- Tiến hành kiểm tra, rà soát các quy hoạch, kế hoạch, chính sách để có sự bổ sung, điều chỉnh và kiểm tra việc chấp hành, cụ thể hóa của các ngành, các cấp.

- Chỉ đạo củng cố tổ chức các cơ quan thường trực trong quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp, thiết lập cơ chế phối hợp, giao ban giữa các cơ quan này.

- Xây dựng kế hoạch và xúc tiến ngay việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn.



KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Hiện nay, phát triển công nghiệp là yêu cầu bức thiết trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Công nghiệp ngày càng khẳng định vai trò to lớn của mình trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, làm thay đổi bộ mặt đời sống kinh tế xã hội của tỉnh, là ngành có tốc độ phát triển nhanh, đem lại hiệu quả kinh tế cao, tạo ra giá trị thu nhập lớn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Bình vẫn còn những tồn tại, hạn chế làm kìm hãm sự phát triển; quy mô sản xuất công nghiệp của tỉnh còn nhỏ bé so với các địa phương khác trong cả nước, năng lực cạnh tranh chưa cao, lực lượng lao động tham gia vào khu vực công nghiệp còn ít, trình độ lao động thấp, công nghệ sản xuất còn đơn giản, sản phẩm làm ra chất lượng chưa cao, mẫu mã chưa hấp dẫn người tiêu dùng nên khả năng chiếm lĩnh thị trường thấp. Do đó trong thời gian tới để công nghiệp tỉnh Quảng Bình phát triển với tốc độ nhanh và bền vững tỉnh cần chú trọng khai thác các tiềm năng, lợi thế của mình nhất là lợi thế về vị trí địa lý, giao thông để phục vụ cho nhu cầu phát triển. Tập trung huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước cho xây dựng cơ sở hạ tầng, có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề chuyên môn cao, cải tiến và đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, phát triển công nghiệp hỗ trợ. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, phát triển đô thị và dịch vụ, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.